

**MA TRẬN NỘI DUNG KIỂM TRA KIẾN THỨC VÀ ĐỌC HIỂU MÔN
TIẾNG VIỆT HỌC KÌ I - LỚP1**

Năm học: 20... - 20...

Mạch kiến thức, kĩ năng	Số câu, số điểm	Mức 1		Mức 2		Mức 3		Tổng		Tổng
		TN	TL	TN	TL	TN	TL	TN	TL	
<i>1.Đọc hiểu văn bản</i>	Số câu	2								
	Số điểm	1								
<i>2.Kiến thức</i>	Số câu				1		1			
	Số điểm				1		1			
Tổng	Số câu	2			1		1		4	
	Số điểm	1			1		1		3	

TRƯỜNG TIỂU HỌC.....

Họ và tên.....

Lớp.....

BÀI KIỂM TRA LỚP 1

HỌC KÌ I - NĂM HỌC 20... - 20...

Môn: TIẾNG VIỆT

(Thời gian: phút)

Điểm	Nhận xét của giáo viên

I. Đọc thành tiếng(5 điểm)

II. Đọc hiểu(1/10 điểm)

Hoa cúc vàng

Suốt cả mùa đông
Nắng đi đâu miết
Trời đắp chăn bông
Còn cây chịu rét

Sớm nay nở hết
Đầy sân cúc vàng
Thấy mùa xuân đẹp
Nắng lại về chăng?

Câu 1. Bài thơ nói đến loài hoa nào? (0,5 điểm) (M1)

- a. Hoa hồng
- b. Hoa cúc vàng
- c. Hoa đào

Câu 2. Bài thơ nhắc đến mùa nào? (0,5 điểm) (M1)

- a. Mùa đông.
- b. Mùa xuân.
- c. Mùa đông và mùa xuân.

III. Tập chép(2/10 điểm)

- GV chép khổ thơ lên bảng. HS nhìn bảng chép vào giấy.

HOA GIẤY

(Trích)

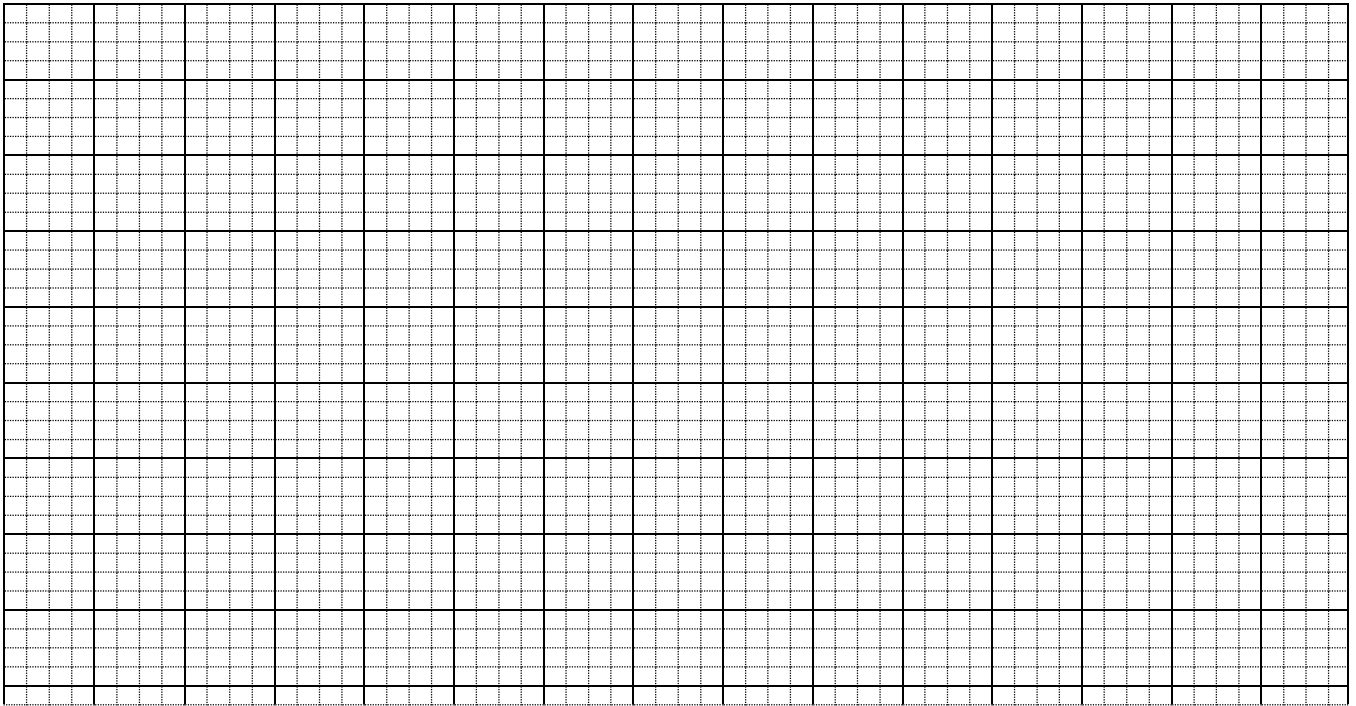
Mỏng như là giấy

Mưa nắng nào phai,

Tên nghe rất mỏng

Nhưng mà dẻo dai

(Nguyễn Lãm Thắng)



IV. Bài tập (2/ 10 điểm)

Câu 1: Điền ng hay ngh? (1 điểm) (M2)

conéõ nhỏ

Câu 2. Em nối hoàn thiện các câu dưới đây: (1 điểm) (M3)

Bầu trời

ríu rít hót vang.

Cây cối

trong xanh.

Bầy chim

đâm chồi nảy lộc.

ĐÁP ÁN VÀ BIỂU ĐIỂM

I. Đọc thành tiếng (5 điểm)

- GV cho HS bốc thăm và kiểm tra đọc thành tiếng đối với từng HS.
- Thao tác đọc đúng: tư thế, cách đặt sách vở, cách đưa mắt đọc 1 điểm
- Phát âm rõ các âm vần khó, cần phân biệt: 1 điểm
- Đọc trơn, đúng tiếng, từ, cụm từ, câu 1 điểm
- Ngắt nghỉ hơi đúng ở các dấu câu, các cụm từ (không đọc sai quá 05 tiếng): 1 điểm
- Tốc độ đọc đạt yêu cầu (khoảng 20-25 chữ/1 phút): 1 điểm

II. Đọc hiểu(1/10 điểm)

Câu 1. Bài thơ nói đến loài hoa nào? (0,5 điểm) (M1)

b. Hoa cúc vàng

Câu 2. Bài thơ nhắc đến mùa nào? (0,5 điểm) (M1)

c. Mùa đông và mùa xuân.

III. Tập chép(2/10 điểm)

Yêu cầu

- Viết đúng kiểu chữ cái kiểu chữ thường, cỡ nhỏ; đúng nét nối và sự liên kết giữa các chữ, vị trí dấu.

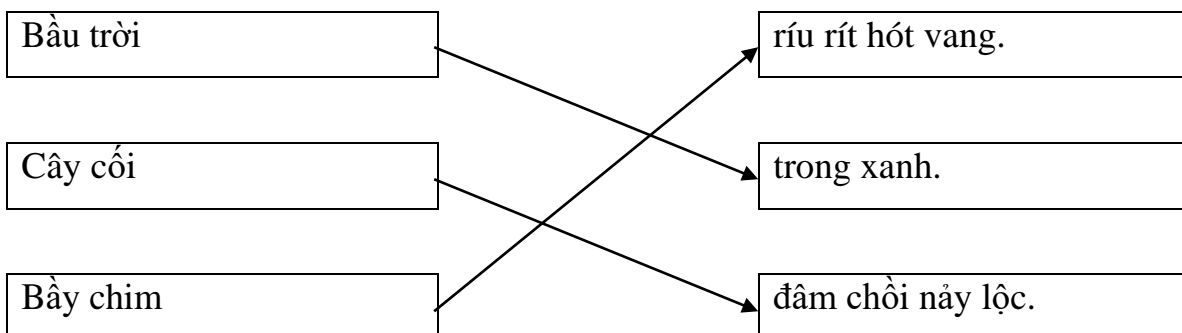
IV. Bài tập(2/ 10 điểm)

Câu 1: Điền ng hay ngh? (1 điểm) (M2)

con **ng**hé

ngõ nhỏ

Câu 2. Em nối hoàn thiện các câu dưới đây: (1 điểm) (M3)



Họ và tên **KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ 1**
Lớp : **MÔN TIẾNG VIỆT LỚP 1 (NĂM HỌC 2022 -2023)**
(Thời gian làm bài 35 phút)

ĐIỂM	NHẬN XÉT

PHẦN 1 : ĐỌC

1. Đọc các từ và câu sau :

buôn bán hạt thóc	hiều biết rong biển
- Mẹ em làm nghề bán cá ở ven sông - Em yêu tha thiết quê hương của mình ,vì đó là nơi em sinh ra và lớn lên.	

2. Em hãy đọc bài thơ sau :

Đôi bàn tay bé
Đôi bàn tay bé xíu
Lại siêng năng nhất nhà
Hết khâu kim cho bà
Lại nhặt rau giúp mẹ .
Đôi bàn tay be bé
Nhanh nhẹn ai biết không?
Chăm tưới cây cho ông
Là áo quần cho bố.

PHẦN 2: VIẾT

Câu 1 Đánh dấu ✓ vào □ đứng trước câu trả lời em chọn:

1. Bài thơ trên nói về đôi bàn tay của ai ?

Đôi bàn tay của mẹ Đôi bàn tay của bé Đôi bàn tay của bố

2. Bạn nhỏ trong bài thơ đã làm những việc gì

Xâu kim nhặt rau đi chợ

Nấu cơm tưới cây là quần áo

Hướng dẫn chấm đề kiểm tra môn Tiếng Việt lớp 1

Phần I. Đọc

Đọc các từ và câu (6 điểm).

Em hãy đọc bài thơ (4 điểm).

- HS đánh vần (đọc thầm) một lượt các tiếng có trong đề trước khi đọc thành tiếng.
- Chú ý phát âm rõ ràng từng tiếng một.
- Đọc liền mạch các tiếng cạnh nhau, không tự ý dừng hoặc ngắt quá lâu giữa câu.

PHẦN 2: VIẾT

Câu 1 Đánh dấu ✓ vào đứng trước câu trả lời em chọn

1. Bài thơ trên nói về đôi bàn tay của ai ? (1 điểm)

- Đôi bàn tay của mẹ Đôi bàn tay của bé Đôi bàn tay của bố

2. Bạn nhỏ trong bài thơ đã làm những việc gì (1 điểm)



Xâu kim

nhặt



rau

đi chợ

Nấu cơm

là



quần áo



tưới cây

Câu 2 : Điền vào chỗ trống iên hay iêm (2 điểm)

Viên phấn

dừa xiêm

tờ tiền

kim tiêm

Câu 3 :(6 điểm)

- HS chép đúng các chữ
- Khoảng cách giữa các chữ đều nhau, đúng quy định
- Chữ viết đẹp ,mđều ,liền nét
- Trình bày sạch sẽ ,gọn gàng

KIỂM TRA CHẤT LƯỢNG CUỐI HỌC KÌ I

Năm học 20... - 20...

Trường tiểu học Lớp 1.....

Môn: Tiếng Việt

Họ và tên:

Thời gian:

PHẦN 1. ĐỌC

Mùa xuân về



Mùa xuân về, thời tiết bớt lạnh hơn. Bầu trời cũng trong và xanh hơn. Cây cối trong vườn thi nhau đâm chồi nảy lộc. Bầy chim lại ríu rít hót vang trên cành cây. Không khí trở nên vui tươi, rộn rã.

Trên đường phố, các cửa hiệu cũng thay áo mới. Với những tấm biển có màu sắc rực rỡ, những bóng đèn nhấp nháy. Đặc biệt, đi đến đâu, bé cũng được thấy những cành đào, cành mai rung rinh trong gió xuân.

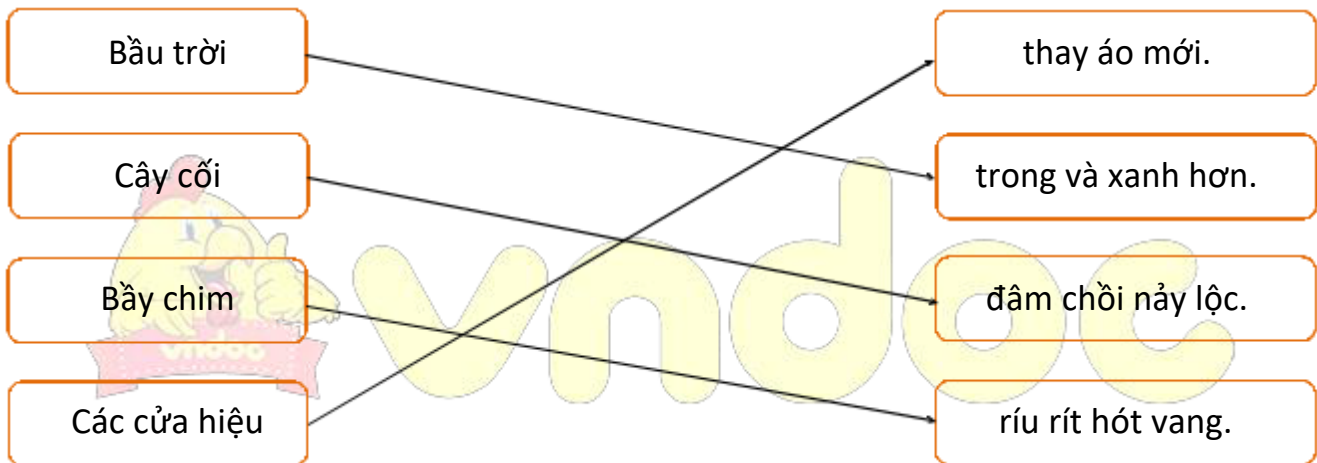
HƯỚNG DẪN TRẢ LỜI:

Phần I. Đọc

- HS đánh vần (đọc thầm) một lượt các tiếng có trong đề trước khi đọc thành tiếng.
- Chú ý phát âm rõ ràng từng tiếng một.
- Đọc liền mạch các tiếng cạnh nhau, không tự ý dừng hoặc ngắt quá lâu giữa câu.

Phần II. Viết

Câu 1.



Câu 2.



Câu 3.

- HS chép đúng các chữ
- Khoảng cách giữa các chữ đều nhau, đúng quy định
- Chữ viết đẹp, đều, liền nét
- Trình bày sạch sẽ, gọn gàng

KIỂM TRA CHẤT LƯỢNG CUỐI HỌC KÌ I

Năm học 2022 - 2023

Trường tiểu học Lớp 1.....

Môn: Tiếng Việt

Họ và tên:

Thời gian:

PHẦN 1. ĐỌC

Giúp mẹ



Hôm nay là chủ nhật, bé được nghỉ ở nhà. Sau khi làm xong bài tập mà cô giáo giao cho, thì mẹ cho bé sang nhà bạn chơi. Thế nhưng, bé đã không đi chơi mà ở nhà để giúp mẹ.

Mẹ ra vườn hái rau, bé cầm rổ cho mẹ. Mẹ ngồi xếp áo quần, bé ngồi cạnh xếp cùng. Mẹ vào bếp nấu cơm, bé nhặt rau cho mẹ. Xong việc, mẹ ôm bé vào lòng, thơm lên trán bé và khen: “Con gái của mẹ giỏi quá!”.

HƯỚNG DẪN TRẢ LỜI:

Phần I. Đọc

- HS đánh vần (đọc thầm) một lượt các tiếng có trong đề trước khi đọc thành tiếng.
- Chú ý phát âm rõ ràng từng tiếng một.
- Đọc liền mạch các tiếng cạnh nhau, không tự ý dừng hoặc ngắt quá lâu giữa câu.

Phần II. Viết

Câu 1.

Mẹ ra vườn hái rau	→	bé ngồi cạnh xếp cùng.
Mẹ ngồi xếp áo quần	→	bé nhặt rau cho mẹ.
Mẹ vào bếp nấu cơm	→	bé cầm rổ cho mẹ.

Câu 2.



kính mát



lịch để bàn



bình sứ



xích đu

Câu 3.

- HS chép đúng các chữ
- Khoảng cách giữa các chữ đều nhau, đúng quy định
- Chữ viết đẹp, đều, liền nét
- Trình bày sạch sẽ, gọn gàng

KIỂM TRA CHẤT LƯỢNG CUỐI HỌC KÌ I

Năm học 20... - 20...

Trường tiểu học Lớp 1.....

Môn: Tiếng Việt

Họ và tên:

Thời gian:

PHẦN 1. ĐỌC

Gói bánh chưng



Ngày cuối năm, bé cùng cả nhà gói bánh chưng. Bố thì dọn bàn ghế lấy chỗ trống ngồi gói bánh. Còn mẹ chuẩn bị nếp, thịt, đỗ, lá chuối xanh. Sau một hồi bận rộn thì cũng chuẩn bị xong. Và ông bắt đầu gói bánh.

Đầu tiên để một lớp lá chuối xanh ở dưới, rồi cho nếp, cho đỗ, cho thịt lợn vào giữa làm nhân. Tiếp theo, ông khéo léo gói lớp lá lại kín mít, tạo thành hình vuông. Xong xuôi, bà và mẹ nhanh nhẹn xếp từng chiếc bánh vào cái nồi lớn để đem đi luộc chín.

Tuy vất vả, nhưng cả nhà ai cũng vui vẻ và hạnh phúc.

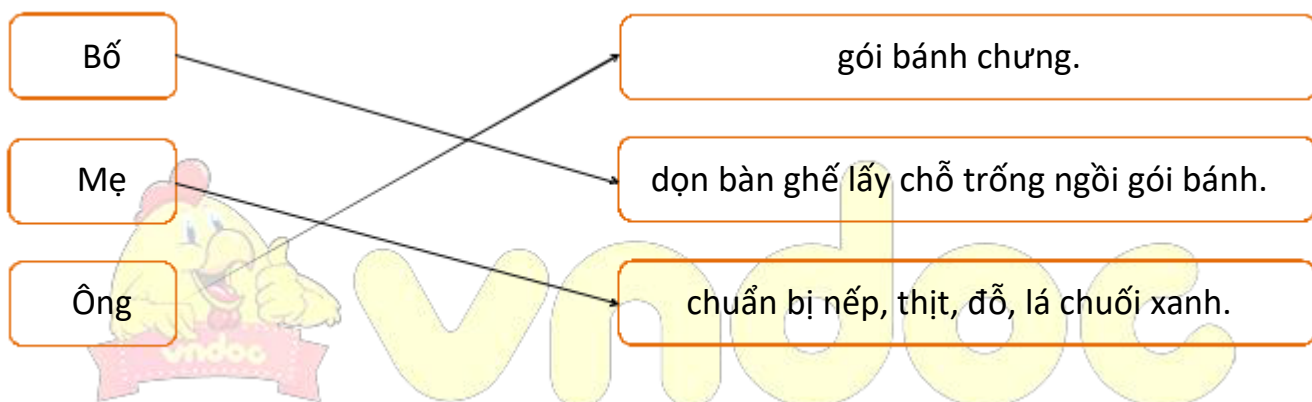
HƯỚNG DẪN TRẢ LỜI:

Phần I. Đọc

- HS đánh vần (đọc thầm) một lượt các tiếng có trong đề trước khi đọc thành tiếng.
- Chú ý phát âm rõ ràng từng tiếng một.
- Đọc liền mạch các tiếng cạnh nhau, không tự ý dừng hoặc ngắt quá lâu giữa câu.

Phần II. Viết

Câu 1.



Câu 2.



Câu 3.

- HS chép đúng các chữ
- Khoảng cách giữa các chữ đều nhau, đúng quy định
- Chữ viết đẹp, đều, liền nét
- Trình bày sạch sẽ, gọn gàng

KIỂM TRA CHẤT LƯỢNG CUỐI HỌC KÌ I

Năm học 20... - 20...

Trường tiểu học Lớp 1.....

Môn: Tiếng Việt

Họ và tên:

Thời gian:

PHẦN 1. ĐỌC

Dì Mai



Chủ nhật, bé và các bạn sang nhà dì Mai chơi. Dì Mai là giáo viên mầm non. Dì biết rất nhiều câu chuyện thú vị về thế giới động vật. Hôm nay, dì kể cho mọi người nghe câu chuyện về chú chim chích bông.

Chim chích bông là loài chim nhỏ, có lông màu xanh. Chúng thích nhảy nhót ở các khu vườn, bụi cây để tìm bắt sâu. Chúng là loài chim có ích nên được mọi người yêu quý.

HƯỚNG DẪN TRẢ LỜI:

Phần I. Đọc

- HS đánh vần (đọc thầm) một lượt các tiếng có trong đề trước khi đọc thành tiếng.
- Chú ý phát âm rõ ràng từng tiếng một.
- Đọc liền mạch các tiếng cạnh nhau, không tự ý dừng hoặc ngắt quá lâu giữa câu.

Phần II. Viết

Câu 1.

Chim chích bông

là giáo viên mầm non.

Dì Mai

là loài chim nhỏ, có lông màu xanh.

Câu 2.



s.ung má



quả sung



quả tr.úng



đói b.ung

Câu 3.

- HS chép đúng các chữ
- Khoảng cách giữa các chữ đều nhau, đúng quy định
- Chữ viết đẹp, đều, liền nét
- Trình bày sạch sẽ, gọn gàng

KIỂM TRA CHẤT LƯỢNG CUỐI HỌC KÌ I

Năm học 20... - 20...

Trường tiểu học Lớp 1.....

Môn: Tiếng Việt

Họ và tên:

Thời gian:

PHẦN 1. ĐỌC

Chia kẹo



Hôm nay là buổi liên hoan cuối năm. Cô giáo phát cho mỗi bạn một túi quà nhỏ mang về nhà. Túi quà của bé có những chiếc kẹo nhiều màu sắc, trông thật ngon lành. Thế nhưng bé không bóc ra ăn ngay, mà cho vào cặp, mang về nhà.

Về đến nhà, bé mở túi kẹo ra, chia cho mọi người trong nhà. Ông một cái, bà một cái, bố một cái, mẹ một cái, bé một cái. Thế là ai cũng có quà.

PHẦN 2. VIẾT

Câu 1. Dựa vào nội dung bài đọc ở PHẦN 1, em hãy đánh dấu ✓ vào đứng trước câu trả lời đúng:

Vì sao khi được phát túi kẹo, bé không ăn ngay, mà cho vào cặp để mang về nhà?

- Vì bé không thích những chiếc kẹo đó.
- Vì bé muốn đem kẹo về nhà cho ông, bà, bố, mẹ ăn cùng.

HƯỚNG DẪN TRẢ LỜI:

Phần I. Đọc

- HS đánh vần (đọc thầm) một lượt các tiếng có trong đề trước khi đọc thành tiếng.
- Chú ý phát âm rõ ràng từng tiếng một.
- Đọc liền mạch các tiếng cạnh nhau, không tự ý dừng hoặc ngắt quá lâu giữa câu.

Phần II. Viết

Câu 1.

- Vì bé không thích những chiếc kẹo đó.
- Vì bé muốn đem kẹo về nhà cho ông, bà, bố, mẹ ăn cùng.

Câu 2.



Câu 3.

- HS chép đúng các chữ
- Khoảng cách giữa các chữ đều nhau, đúng quy định
- Chữ viết đẹp, đều, liền nét
- Trình bày sạch sẽ, gọn gàng

TRƯỜNG TH

TỔ 1

ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KỲ 1

NĂM HỌC: 20... - 20...

MÔN: TIẾNG VIỆT – LỚP 1

I/ PHẦN I: ĐỌC, NGHE VÀ NÓI (10 điểm) - 20 phút

1. Đọc vần/ tiếng: (1 điểm)

- an, ăt, eo, iêp, uyên,
- học, mắt, chơi, cam, truyện

2. Đọc từ: (2 điểm)

- cảm ơn, xin lỗi, chăm học, tuyệt vời

3. Đọc bài thơ sau: (5 điểm)

Suốt mùa hè chịu nắng
Che mát các em chơi
Đến đêm đông giá lạnh
Lá còn cháy đỏ trời.

(Trần Đăng Khoa)

4. Nói tên loài cây được nhắc đến trong bài thơ. (1 điểm)

5. Hãy kể tên ba loài cây trồng mà em biết? (1 điểm)



II/ PHẦN II: VIẾT (10 điểm) - 30 phút

Câu 1: (1,5 điểm). Đọc các tiếng. Nói tiếng thành từ ngữ (theo mẫu)

học	dây
nhảy	bài
đôi	chơi
vui	dép

A diagram showing two columns of words in purple-bordered boxes. A line connects the word 'học' in the first box of the left column to the word 'bài' in the first box of the right column.

Câu 2: (1,5 điểm). Điền vần **ai** hoặc **ay** vào chỗ chấm?



cái t.....



bàn t.....



nh..... dây

Câu 3: Tập chép

- GV chép khổ thơ lên bảng. HS nhìn bảng chép vào giấy.

HOA GIẤY

(Trích)

Mỏng như là giấy

Mưa nắng nào phai,

Tên nghe rất mỏng

Nhưng mà dẻo dai

(Nguyễn Lâm Thắng)

Thứ tự	Hình thức kiểm tra	Đáp án/ Hướng dẫn chấm
I. ĐỌC (10 điểm)	1. Đọc thành tiếng (8 điểm)	<p>1. Đọc vần: (1 điểm) - Đọc đúng mỗi vần/tiếng ghi 0,1 điểm</p> <p>2. Đọc từ: (2 điểm) - Đọc đúng mỗi từ ghi 0,5 điểm</p> <p>3. Đọc bài thơ: (5 điểm) - Phát âm rõ ràng từng tiếng một. - Đọc liền mạch các tiếng cạnh nhau, không tự ý dừng hoặc ngắt quá lâu giữa câu. - Mỗi lỗi đọc sai, đọc thừa, thiếu trừ 0,25 điểm</p>
	2. Nghe, nói (2 điểm)	<p>4. Nói được tên loài cây nhắc đến trong bài thơ (cây bàng). (1 điểm)</p> <p>5. Kể được tên ba loài cây trồng mà em biết (1 điểm)</p>
II. VIẾT (10 điểm)	3. Đọc các tiếng. Nói tiếng thành từ ngữ (theo mẫu)	<p>Câu 1: (1,5 điểm) Nói đúng mỗi tiếng thành từ ngữ ghi 0,5 điểm</p> <div style="display: flex; justify-content: space-around; align-items: center;"> <div style="border: 1px solid purple; padding: 5px; margin: 5px;">học</div> <div style="border: 1px solid purple; padding: 5px; margin: 5px;">dây</div> </div> <div style="display: flex; justify-content: space-around; align-items: center; margin: 10px 0;"> <div style="border: 1px solid purple; padding: 5px; margin: 5px;">nhảy</div> <div style="border: 1px solid purple; padding: 5px; margin: 5px;">bài</div> </div> <div style="display: flex; justify-content: space-around; align-items: center; margin: 10px 0;"> <div style="border: 1px solid purple; padding: 5px; margin: 5px;">đôi</div> <div style="border: 1px solid purple; padding: 5px; margin: 5px;">chơi</div> </div> <div style="display: flex; justify-content: space-around; align-items: center;"> <div style="border: 1px solid purple; padding: 5px; margin: 5px;">vui</div> <div style="border: 1px solid purple; padding: 5px; margin: 5px;">đép</div> </div>
	4. Điền vần	<p>Câu 2: (1, 5 điểm) Điền đúng vần ai hoặc ay vào chỗ chấm ghi 0,5 điểm</p> <p>cái tai bàn tay nhảy dây</p>

	5. Tập chép	Câu 3: (7 điểm) - HS nhìn bảng chép vào giấy đúng các chữ. - Khoảng cách giữa các chữ đều nhau, đúng quy định. - Chữ viết đẹp, đều, liền nét. Trình bày sạch sẽ, gọn gàng - Viết sai âm/vần trừ 0,25 điểm
--	-------------	--

....., ngày tháng năm

T/M tổ 1

Đề thi Học kì 1 Tiếng Việt 1 Kết nối tri thức

Năm học 20... - 20...

Bài thi môn: Tiếng Việt lớp 1

Thời gian làm bài: phút

(không kể thời gian phát đề)

(Đề số 2)

PHẦN I. ĐỌC

Dì Mai



Chủ nhật, bé và các bạn sang nhà dì Mai chơi. Dì Mai là giáo viên mầm non. Dì biết rất nhiều câu chuyện thú vị về thế giới động vật. Hôm nay, dì kể cho mọi người nghe câu chuyện về chú chim chích bông.

Chim chích bông là loài chim nhỏ, có lông màu xanh. Chúng thích nhảy nhót ở các khu vườn, bụi cây để tìm bắt sâu. Chúng là loài chim có ích nên được mọi người yêu quý.

PHẦN II. VIẾT

Câu 1. Dựa vào nội dung ở bài đọc ở phần I, em hãy nối đúng:

Chim chích bông

là giáo viên mầm non.

Dì Mai

là loài chim nhỏ, có lông màu xanh.

Câu 2. Điền vào chỗ trống ung / ưng



s..... má



quả s.....



quả tr.....



đổi b.....

Câu 3. Tập chép

Dì Mai là giáo viên mầm non. Dì biết rất nhiều câu chuyện thú vị về thế giới động vật.

ĐÁP ÁN

PHẦN I. ĐỌC

- HS đánh vần (đọc thầm) một lượt các tiếng có trong đề trước khi đọc thành tiếng.
- Chú ý phát âm rõ ràng từng tiếng một.
- Đọc liền mạch các tiếng cạnh nhau, không tự ý dừng hoặc ngắt quá lâu giữa câu.

PHẦN II. VIẾT

Câu 1.

Chim chích bông

là giáo viên mầm non.

Dì Mai

là loài chim nhỏ, có lông màu xanh.

Câu 2.



sung má



quả sung



quả trưng



đói bụng

Câu 3.

- HS chép đúng các chữ
- Khoảng cách giữa các chữ đều nhau, đúng quy định
- Chữ viết đẹp, đều, liền nét
- Trình bày sạch sẽ, gọn gàng

Phòng Giáo dục và Đào tạo

Đề thi Học kì 1 Thông tư 27 - Kết nối tri thức

Năm học 20... - 20...

Bài thi môn: Tiếng Việt lớp 1

Thời gian làm bài: phút

(không kể thời gian phát đề)

(Đề số 3)

PHẦN I. ĐỌC

Dì Năm là y tá xã. Bé Hà là con của dì Năm. Năm nay bé Hà lên ba. Bé Hà mê kem ly. Thứ bảy, dì Năm đưa bé Hà ra Hồ Tây, mua kem ly cho bé. Bé đưa hai tay ra: “Dạ mẹ, bé xin”.

PHẦN II. VIẾT

Câu 1. Dựa vào nội dung ở bài đọc ở phần I, em hãy nối đúng:

Dì Năm

mê kem ly.

Bé Hà

dì Năm đưa bé ra Hồ Tây.

Thứ bảy

là y tá xă.

Câu 2. Em hãy nối từ ngữ với hình tương ứng:



cà chua

giỏ tre

ngựa phi

thỏ xám

Câu 3. Điền vào chỗ trống ng hoặc ngh



.....ô



.....ê



.....ựa



.....ủ

Câu 4. Tập chép

Tối, bé làm bài về nhà cô dặn cẩn thận và đầy đủ.

ĐÁP ÁN

PHẦN I. ĐỌC

- HS đánh vần (đọc thầm) một lượt các tiếng có trong đề trước khi đọc thành tiếng.
- Chú ý phát âm rõ ràng từng tiếng một.

- Đọc liền mạch các tiếng cạnh nhau, không tự ý dừng hoặc ngắt quá lâu giữa câu.

PHẦN II. VIẾT

Câu 1.

Dì Năm		mê kem lỵ.
Bé Hà		dì Năm đưa bé ra HỒ Tây.
Thứ bảy		là y tá xă.

Câu 2.

cà chua	giỏ tre	ngựa phi	thỏ xám

Câu 3.

.....ng ôngh.ệng.ựang.ủ

Câu 4.

- HS chép đúng các chữ
- Khoảng cách giữa các chữ đều nhau, đúng quy định
- Chữ viết đẹp, đều, liền nét
- Trình bày sạch sẽ, gọn gàng